

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày 27 tháng 5 năm 2020
V/v: Tranh chấp về kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Quảng, bà Nguyễn Thị Kim Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 55/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp về đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích H - sinh năm: 1973

Địa chỉ: Số nhà 299, Phố P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

(có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Trung K - sinh năm: 1972

Địa chỉ: Khu C, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Mối quan hệ giữa chị và anh Trần Trung K là bạn bè. Gia đình chị kinh doanh xưởng gỗ bóc tại khu Bãi Tàn, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Năm 2019 gia đình chị có nhu cầu mua xe ô tô tải cũ loại 7 tấn để chở hàng trị giá

khoảng từ 250.000.000đ đến 400.000.000đ, khi đó anh K làm nghề lái xe ô tô nên nhờ anh K mua hộ. Anh K nói là hiện nay có người có chiếc xe ô tô muốn bán với giá khoảng 295.000.000đ, khi anh K mang xe về mà xe không đảm bảo chất lượng hoặc các vấn đề khác về xe thì chị có quyền không lấy. Chị đồng ý nên ngày 03/02/2019 chị đã đưa trước cho anh K 195.000.000đ (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng), khi nào có xe thì chị trả nốt số tiền còn lại, chị cũng thỏa thuận với anh K thời hạn mua xe là một tháng kể từ ngày 03/02/2019 đến ngày 03/3/2019, nếu không mua được xe thì anh K trả lại tiền cho chị. Khi anh K nhận tiền đã viết một giấy nhận tiền để chị giữ. Sau một tháng anh K không mua được xe ô tô cho chị nên chị đã nhiều lần yêu cầu anh K trả lại tiền nhưng anh K không trả. Từ ngày anh K nhận tiền đến ngày 22/01/2020 mới trả được 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nên còn nợ 185.000.000đ (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Nay chị yêu cầu anh K trả lại chị 185.000.000đ tiền gốc và tiền lãi của số tiền 195.000.000đ từ ngày 03/3/2019 đến ngày 22/01/2020 và số tiền lãi của số tiền 185.000.000đ từ ngày 23/01/2020 đến nay, tổng số tiền lãi là 27.000.000đ. Anh K tiếp tục trả tiền lãi của số tiền gốc chưa trả với lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 28/5/2020 đến khi trả tiền xong, tương ứng với thời gian chậm trả.

- Bị đơn anh Trần Trung K trình bày như sau:

Mối quan hệ giữa anh và chị H như chị H trình bày. Anh làm nghề lái xe ô tô nên lái xe thuê cho chị Vũ Thị H1. Năm 2018 chị H1 có nhu cầu vay vốn để mua xích của máy ủi để thay thế nên đã nhờ anh đi vay tiền hộ. Sau khi chị H1 nhờ thì anh đến hỏi chị H cho vay tiền, chị H đồng ý nên đã cho anh vay tiền làm hai lần, lần một vay 30.000.000đ vào ngày 02/6/2018, lần hai vay 70.000.000đ vào ngày 21/6/2018, tổng số tiền chị H cho anh vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Khi vay tiền, anh và chị H thỏa thuận lãi suất là 3.000đ/một triệu/một ngày nhưng chỉ nói miệng với nhau (hai bên không ghi vào giấy), thời hạn trả tiền thì hai bên không thỏa thuận. Sau mỗi một lần nhận tiền của chị H thì anh đều viết giấy vay tiền để chị H giữ. Khoảng 6 - 7 tháng sau, chị H1 không đưa tiền lãi cho anh để anh trả chị H nên chị H gọi anh đến để đối chiếu số tiền lãi chưa trả. Anh và chị H đối chiếu tiền lãi và thống nhất là anh nợ chị H 195.000.000đ là số tiền gốc và tiền lãi nên chị H yêu cầu anh ký vào quyển sổ của chị H để chị H giữ, đồng thời chị H trả lại anh 02 giấy vay tiền mà anh đã ký. Một thời gian sau thì chị H đưa cho anh một giấy nhận tiền mua ô tô và yêu cầu anh ký vào giấy để chị H giữ.

Từ ngày nhận tiền của chị H đến nay, anh đã trả tiền lãi cho chị H 25.000.000đ, cụ thể là vào ngày 29 tết âm lịch năm 2018 anh trả chị H 5.000.000đ, ngày 22/8/2019 anh trả chị H 10.000.000đ và ngày 28 tết âm lịch năm 2020 anh trả tiếp chị H 10.000.000đ.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu anh trả chị H 185.000.000đ tiền gốc thì anh chỉ nhất trí trả chị H 100.000.000đ tiền gốc, vì thực tế anh không nhận 195.000.000đ để mua xe ô tô như chị H trình bày. Còn số tiền lãi thì anh nhất trí trả chị H với lãi suất 1%/tháng. Nếu chị H không nhất trí anh trả 100.000.000đ tiền gốc thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và các bên đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 166; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích H về yêu cầu anh Trần Trung K trả lại tiền. Buộc anh Trần Trung K trả chị Nguyễn Thị Bích H 185.000.000đ tiền gốc và 27.000.000đ tiền lãi.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Trần Trung K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích H khởi kiện yêu cầu anh Trần Trung K trả lại tiền do chị H đưa tiền cho anh K đi mua hộ ô tô nhưng anh K không mua được nên quan hệ pháp luật là tranh chấp về đòi lại tài sản. Xét thấy bị đơn anh Trần Trung K đang cư trú tại xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H khởi kiện yêu cầu anh K trả lại 195.000.000đ là số tiền chị H đưa cho anh K đi mua ô tô nhưng không mua được, anh K không đồng ý trả 195.000.000đ mà chỉ nhất trí trả 100.000.000đ là số tiền anh đã vay của chị H. Xét thấy chị H và anh K thống nhất là anh K có nhận tiền của chị H nhưng không thống nhất được số tiền cụ thể anh K nhận của chị H và mục đích anh K nhận tiền của chị H. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị H giao nộp cho Tòa án giấy nhận tiền mua ô tô viết ngày 03/02/2019 có chữ ký và chữ viết của anh K, anh K xác định giấy nhận tiền mua ô tô của chị H giao nộp là chữ ký và chữ viết của anh. Tại bản tự khai ngày 31/12/2019 của anh K và buổi hòa giải tại Tòa án, anh K xác định là anh và chị H đã đối chiếu và thống nhất với nhau về số tiền anh còn nợ chị H là 195.000.000đ, chị H đã đưa cho anh một giấy nhận tiền mua ô tô để anh ký. Anh K có giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh anh K vay tiền của chị H để anh K cho chị Hòa vay lại nhưng chị H không thừa nhận số tiền và thời điểm cho anh K vay tiền như anh K trình bày, trong giấy nhận nợ ngày 02/6/2018 thì không thể hiện người cho anh K vay tiền là ai, phần người cho vay tiền trong các giấy vay tiền không có chữ ký và chữ viết của người cho vay tiền. Khi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án yêu cầu anh K cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh anh K không nhận 195.000.000đ

của chị H để mua ô tô nhưng anh K không cung cấp được. Căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh K phải có nghĩa vụ chứng minh để bác bỏ yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng không chứng minh được. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định ngày 03/02/2019 anh K nhận 195.000.000đ của chị H để mua ô tô hộ chị H như chị H đã trình bày.

Anh K cho rằng anh đã trả được chị H 25.000.000đ tiền lãi, trong đó một lần 5.000.000đ, hai lần còn lại mỗi lần là 10.000.000đ. Chị H không thừa nhận đã nhận 25.000.000đ của anh K mà chỉ nhận 10.000.000đ của anh K vào ngày 22/01/2020, số tiền này là tiền gốc nên anh K còn nợ chị 185.000.000đ. Xét thấy khi trả tiền hai bên không viết giấy tờ gì và chị H xác định số tiền 10.000.000đ anh K trả là trả tiền gốc. Vì vậy, số tiền gốc anh K còn nợ chị H là 185.000.000đ.

Đối với số tiền lãi: Chị H và anh K thỏa thuận trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 03/02/2019 đến ngày 03/3/2019, anh K không mua được ô tô cho chị H thì anh K trả lại tiền cho chị H. Anh K không mua được ô tô và không trả tiền cho chị H nên chị H đề nghị anh K trả 27.000.000đ tiền lãi (lãi suất khoảng 1%/tháng), anh K tiếp tục trả tiền lãi của số tiền gốc chưa trả từ ngày 28/5/2020 đến khi trả tiền xong với lãi suất 1%/tháng. Anh K cũng nhất trí trả tiền lãi cho chị H với lãi suất 1%/tháng. Xét thấy chị H tính lãi suất 1%/tháng là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên anh K phải trả tiền lãi cho chị H từ ngày 03/3/2020 đến khi trả tiền xong.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát yêu cầu anh K phải trả cho chị H 185.000.000đ tiền gốc và 27.000.000đ tiền lãi từ ngày 03/3/2019 đến nay là phù hợp. Vì vậy, buộc anh Trần Trung K phải trả cho chị H 185.000.000đ tiền gốc và 27.000.000đ tiền lãi. Anh K tiếp tục phải trả tiền lãi đối với số tiền gốc chưa trả kể từ ngày 28/5/2020 đến khi trả tiền xong với lãi suất 1%/tháng, tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích H được chấp nhận nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị Bích H, còn anh Trần Trung K phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 166; Điều 357 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Công nhận ngày 03/02/2019 anh Trần Trung K nhận 195.000.000đ của chị Nguyễn Thị Bích H để mua hộ ô tô, sau khi không mua hộ được ô tô thì anh K đã trả được chị H 10.000.000đ nên còn nợ 185.000.000đ (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích H về yêu cầu anh Trần Trung K trả lại 185.000.000đ (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh.

Buộc anh Trần Trung K trả chị Nguyễn Thị Bích H 185.000.000đ tiền gốc và 27.000.000đ tiền lãi, tổng số tiền anh Trần Trung K phải trả chị Nguyễn Thị Bích H là 212.000.000đ (Hai trăm mười hai triệu đồng).

Anh Trần Trung K tiếp tục trả tiền lãi của số tiền gốc cho chị Nguyễn Thị Bích H với lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 28/5/2020 đến khi trả tiền xong, tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí: Buộc anh Trần Trung K phải chịu 10. 600.000đ (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Bích H 4.875.000đ (Bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001990 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Thanh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên